

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KÍNH ĐÁP CẦU**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



**NỘI DUNG**

Báo cáo của Tổng Giám đốc	Trang
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	02 - 03
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	04 - 05
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06 - 37
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	09
	10 - 37

**Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu**

Địa chỉ: Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu được cổ phần hóa từ Công ty Kính Đáp Cầu theo Quyết định số 942/QĐ-BXD ngày 14/06/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2103000093, đăng ký lần đầu ngày 03/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2021, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu thành Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu. Đến nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 13/05/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Kim Bồng	Chủ tịch
Ông Trần Huy Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Chính	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Luật	Thành viên
	(Bổ nhiệm ngày 24/04/2025)
	(Miễn nhiệm ngày 24/04/2025)

Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Huy Thông                      Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là ông Trần Huy Thông (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Phạm Văn Chương	Thành viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

## **Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu**

Địa chỉ: Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu tố đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Cam kết khác**

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Tổng Giám đốc



**Trần Huy Thống**

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu được lập ngày 18 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

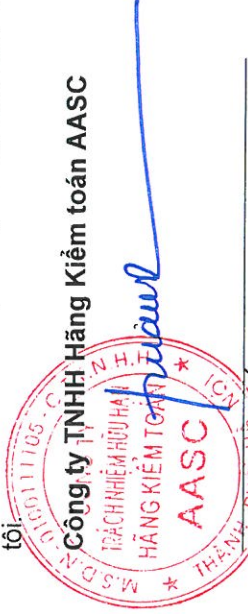
**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2025, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty phản ánh nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 73,47 tỷ VND, lỗ lũy kế là 350,24 tỷ VND tương ứng 116,75% vốn góp của chủ sở hữu, nợ quá hạn chưa thanh toán là 44,47 tỷ VND (Thuyết minh số 12, 15, 16) và thuế quá hạn chưa thanh toán là 9,63 tỷ VND (Thuyết minh số 14). Bên cạnh đó, số lượng lao động giảm mạnh và Công ty mẹ không còn hoạt động sản xuất, dự án "Khu dịch vụ thương mại và nhà ở Đập Cầu" đang trình đề xuất bổ sung vào kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Bắc Ninh. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.



**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>31.348.270.068</b>	<b>33.887.714.417</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>246.062.776</b>	<b>3.384.544.728</b>
111	1. Tiền		246.062.776	1.786.489.158
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.598.055.570
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>-</b>	<b>1.084.949.955</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1.084.949.955
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>15.548.527.000</b>	<b>10.660.854.458</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	26.844.112.339	24.328.244.728
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	429.919.790	428.222.128
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.665.895.652	4.124.133.780
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(18.391.400.781)	(18.219.746.178)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>13.283.581.969</b>	<b>15.747.660.674</b>
141	1. Hàng tồn kho		29.500.023.880	32.122.780.394
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(16.216.441.911)	(16.375.119.720)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.270.098.323</b>	<b>3.009.704.602</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	57.494.529	221.977.653
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.828.453.741	2.344.743.921
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	384.150.053	442.983.028
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>66.350.253.702</b>	<b>68.933.118.744</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>47.632.862.302</b>	<b>49.854.923.098</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	47.632.862.302	49.854.923.098
222	- Nguyên giá		404.318.121.090	404.048.121.090
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(356.685.258.788)	(354.193.197.992)
<b>250</b>	<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>1.326.401.344</b>	<b>1.326.401.344</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		826.401.344	826.401.344
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	1.500.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>17.390.990.056</b>	<b>17.751.794.302</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	17.390.990.056	17.751.794.302
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>97.698.523.770</b>	<b>102.820.833.161</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		104.822.805.233	106.422.921.262
310	I. Nợ ngắn hạn		104.822.805.233	99.422.921.262
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	65.731.960.298	64.184.812.020
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	3.321.501.620	3.061.023.638
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.631.115.509	9.286.771.459
314	4. Phải trả người lao động		2.934.188.740	3.276.378.041
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		490.130.286	366.811.432
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	12.637.984.334	12.500.822.138
320	7. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	16	10.075.924.446	6.746.302.534
330	II. Nợ dài hạn		-	7.000.000.000
338	1. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	16	-	7.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(7.124.281.463)	(3.602.088.101)
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	(7.124.281.463)	(3.602.088.101)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		43.118.293.083	43.118.293.083
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(350.242.574.546)	(346.720.381.184)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(346.720.381.184)	(328.071.187.844)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(3.522.193.362)	(18.649.193.340)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		97.698.523.770	102.820.833.161



*Handwritten signature*

Hoàng Thị Hằng Người lập biểu	Hoàng Thị Hằng Phụ trách kế toán	Trần Huy Thông Tổng Giám đốc Bắc Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2025
----------------------------------	-------------------------------------	--

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025		6 tháng đầu năm 2024	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	22.277.820.303		28.257.565.716	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	52.216.895		373.975.928	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.225.603.408		27.883.589.788	
11	4. Giá vốn hàng bán	21	19.386.154.964		26.244.966.360	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.839.448.444		1.638.623.428	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	25.624.032		72.505.244	
22	7. Chi phí tài chính	23	846.050.890		1.406.777.175	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		449.753.560		662.616.262	
25	8. Chi phí bán hàng	24	1.584.471.099		1.857.875.316	
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3.036.850.363		4.795.654.916	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.602.299.876)		(6.349.178.735)	
32	11. Chi phí khác	26	919.893.486		2.461.396.059	
40	12. Lợi nhuận khác		(919.893.486)		(2.461.396.059)	
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.522.193.362)		(8.810.574.794)	
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-		-	
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(3.522.193.362)		(8.810.574.794)	
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(3.522.193.362)		(8.810.574.794)	
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(117)		(294)	



*Handwritten signature*

Hoàng Thị Hằng Người lập biểu	Hoàng Thị Hằng Phụ trách kế toán	Trần Huy Thông Tổng Giám đốc Bắc Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2025
----------------------------------	-------------------------------------	--

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(3.522.193.362)	(8.810.574.794)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.492.060.796	4.800.079.562
04	- Các khoản dự phòng		12.976.794	970.631.412
05	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		396.142.411	556.940.391
06	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(25.469.113)	(72.505.244)
08	- Chi phí lãi vay		449.753.560	662.616.262
09	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(196.728.914)	(1.892.812.411)
10	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.484.203.990)	(2.670.034.955)
11	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.622.756.514	2.093.103.880
12	- Tăng, giảm các khoản phải trả		1.356.276.710	(216.991.086)
14	- Tăng, giảm chi phí trả trước		525.287.370	294.465.624
20	- Tiền lãi vay đã trả		(132.065.541)	(248.672.993)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(308.677.851)	(2.640.941.941)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(270.000.000)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.650.768.723)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.084.949.955	4.130.345.547
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.469.113	72.505.244
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		840.419.068	1.552.082.068
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.894.000.000	6.299.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(6.564.378.088)	(6.140.809.079)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.670.378.088)	158.190.921
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.138.636.871)	(930.668.952)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.384.544.728	4.179.394.771
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		154.919	529.508
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	246.062.776	3.249.255.327

*Hoàng Thị Hằng*

Hoàng Thị Hằng  
Người lập biểu

Hoàng Thị Hằng  
Phụ trách kế toán

Trần Huy Thông  
Tổng Giám đốc  
Bắc Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2025



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kinh Đáp Cầu được cổ phần hóa từ Công ty Kinh Đáp Cầu theo Quyết định số 942/QĐ-BXD ngày 14/06/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2103000093, đăng ký lần đầu ngày 03/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/HĐĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2021, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Kinh Viglacera Đáp Cầu thành Công ty Cổ phần Kinh Đáp Cầu. Đến nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 13/05/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng chẵn), tương đương 30.000.000 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty và Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 48 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 62 người).

**Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất công nghiệp.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng);
- Cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa, cho thuê nhà, cho thuê tài sản;
- Kinh doanh điện, nước.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Tại thời điểm 30/06/2025, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty phản ánh nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 73,47 tỷ VND, lỗ lũy kế là 350,24 tỷ VND tương ứng 116,75% vốn góp của chủ sở hữu, nợ quá hạn chưa thanh toán là 44,47 tỷ VND (Thuyết minh số 12, 15, 16) và thuế quá hạn chưa thanh toán là 9,63 tỷ VND (Thuyết minh số 14). Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ là âm 3,13 tỷ VND. Bên cạnh đó, từ năm 2018 đến nay, Cục thuế Bắc Ninh đã ra quyết định cưỡng chế hóa đơn của Công ty mẹ, Công ty mẹ đã dừng sản xuất, số lượng lao động giảm mạnh. Dự án "Khu dịch vụ thương mại và nhà ở Đáp Cầu" đang trình đề xuất bổ sung vào kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Bắc Ninh. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do sau:

- Công ty đang thực hiện các thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhà máy kính với diện tích là 125.527 m<sup>2</sup> tại phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh sang đất ở nhằm khai thác hiệu quả, lợi thế khu đất và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Ngoài ra, Công ty cũng đang có kế hoạch trong ngắn hạn là tăng phần diện tích kho cho thuê trong thời gian chờ được phê duyệt hồ sơ xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất nêu trên;
- Công ty là Công ty con của Tổng Công ty Viglacera - CTCP nên vẫn duy trì được sự hỗ trợ về tài chính, nguồn lực, công nghệ nhận từ Tổng Công ty và các bên liên quan.

## Cấu trúc tập đoàn

**Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2025 là:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính	kinh doanh
Công ty TNHH MTV Lắp dựng Kính Viglacera	Bắc Ninh	100%	100%	Gia công và lắp dựng kính	

**Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2025 là:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	
Công ty CP Vinafacade	Bắc Ninh	20,86%	20,86%	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm thủy tinh, bán buôn kính xây dựng	

## Khả năng so sánh của thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Công ty trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán.

## 2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

## **2.4 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## **2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Tại Công ty mẹ: Theo Nghị quyết 01/2016/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 27/10/2016, Quyết định số 09/KĐC-TCHC của Tổng Giám đốc Công ty ngày 27/02/2016 về việc dừng sản xuất dây chuyền kinh doanh văn hoa 80 tấn/ngày, Công ty mẹ không phát sinh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang từ thời điểm 28/01/2016 đến nay;
  - Tại Công ty con: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	09 năm

**2.11 Thuế hoạt động**

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.12 Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

*Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:*

- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng cho thuê lại đất giữa Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP và Công ty TNHH MTV Lắp dựng kính Viglacera (công ty con). Chi phí này được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 6 tháng đến 12 tháng.

**2.13 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.14 Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**2.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí chiết khấu cho hàng đã tiêu thụ được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**2.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là chiết khấu thương mại.

Chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo

nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm: chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ lao động dùng cho hoạt động bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh và lắp đặt kính chủ yếu là diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	93.487.200	107.645.509
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	152.575.576	1.678.843.649
Các khoản tương đương tiền	-	1.598.055.570
	<b>246.062.776</b>	<b>3.384.544.728</b>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.084.949.955	-
	-	-	<b>1.084.949.955</b>	-

**Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu**

Địa chỉ: Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Địa chỉ	30/06/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
- Công ty Cổ phần Hà Nội Vinafacade	20,86%	826.401.344	20,86%	826.401.344
		<b>826.401.344</b>		<b>826.401.344</b>

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Viglacera Delta	500.000.000	-	500.000.000	-
	<b>1.500.000.000</b>	<b>(1.000.000.000)</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>(1.000.000.000)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	Hà Nội	3,51%	3,51%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Viglacera Delta	Bắc Ninh	2,50%	2,50%	Sản xuất các loại cầu kết kim loại, cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt, các sản phẩm từ Plastic; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

5 PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>3.581.178.899</b>	<b>(2.196.795.037)</b>	<b>3.989.074.646</b>	<b>(2.196.795.037)</b>
Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - Công ty Cổ phần Vinafacade	260.515.150	(209.814.166)	260.515.150	(209.814.166)
Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Thi công cơ giới Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	2.390.891.076	(1.965.805.871)	2.390.891.076	(1.965.805.871)
Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải	722.132.474	-	868.312.582	-
Công ty Cổ phần Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty	21.175.000	(21.175.000)	355.690.839	(21.175.000)
Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải	113.664.999	-	113.664.999	-
Công ty Sen vôi Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty	72.800.200	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>23.262.933.440</b>	<b>(15.095.613.658)</b>	<b>20.339.170.082</b>	<b>(14.973.326.439)</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Gicons	2.681.202.886	-	1.327.957.910	-
Công ty TNHH Nhật Trang	1.906.898.389	(1.906.898.389)	1.906.898.389	(1.906.898.389)
Công ty TNHH Viglacera Glasskote	1.754.289.128	(1.754.289.128)	1.754.289.128	(1.754.289.128)
Các đối tượng khác	16.920.543.037	(11.434.426.141)	15.350.024.655	(11.312.138.922)
	<b>26.844.112.339</b>	<b>(17.292.408.695)</b>	<b>24.328.244.728</b>	<b>(17.170.121.476)</b>

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần CFTD Sáng tạo	150.000.000	(150.000.000)	150.000.000	(150.000.000)
Các đối tượng khác	279.919.790	(266.510.134)	278.222.128	(260.190.750)
	<b>429.919.790</b>	<b>(416.510.134)</b>	<b>428.222.128</b>	<b>(410.190.750)</b>

## 7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về tạm ứng	5.722.593.000	-	3.319.723.775	-
- Tạm ứng thực hiện công trình xây lắp	4.472.930.367	-	2.225.982.367	-
- Tạm ứng khác	1.249.662.633	-	1.093.741.408	-
Phải thu khác	943.302.652	(682.481.952)	804.410.005	(639.433.952)
- Ông Ngô Thế Quỳnh	278.051.415	(278.051.415)	278.051.415	(278.051.415)
- Ông Nguyễn Đức Cường	239.347.397	(239.347.397)	239.347.397	(239.347.397)
- Phải thu các đối tượng khác	425.903.840	(165.083.140)	287.011.193	(122.035.140)
	<b>6.665.895.652</b>	<b>(682.481.952)</b>	<b>4.124.133.780</b>	<b>(639.433.952)</b>

8 **NƠ XẤU**

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>18.216.594.169</b>	<b>924.185.474</b>	<b>18.171.222.763</b>	<b>1.001.101.287</b>
Công ty Cổ phần Vinafacade	2.390.891.076	425.085.205	2.390.891.076	425.085.205
Công ty TNHH Nhật Trang	1.906.898.389	-	1.906.898.389	-
Công ty TNHH Viglacera Glasskote	1.754.289.128	-	1.754.289.128	-
Các đối tượng khác	12.164.515.576	499.100.269	12.119.144.170	576.016.082
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>419.218.443</b>	<b>2.708.309</b>	<b>410.190.750</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần CFTD Sáng tạo	150.000.000	-	150.000.000	-
Viện kinh tế Xây dựng	36.000.000	-	36.000.000	-
Các đối tượng khác	233.218.443	2.708.309	224.190.750	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>682.481.952</b>	<b>-</b>	<b>639.433.952</b>	<b>-</b>
Ông Ngô Thế Quỳnh	278.051.415	-	278.051.415	-
Ông Nguyễn Đức Cường	239.347.397	-	239.347.397	-
Các đối tượng khác	165.083.140	-	122.035.140	-
	<b>19.318.294.564</b>	<b>926.893.783</b>	<b>19.220.847.465</b>	<b>1.001.101.287</b>

**Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu**

Địa chỉ: Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**9 HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.642.281.578	(4.709.113.921)	10.678.038.173	(4.709.113.921)
Công cụ, dụng cụ	2.637.562.920	(1.970.822.522)	2.651.878.468	(1.970.822.522)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	5.023.601.974	(3.181.585.311)	6.983.729.977	(3.181.585.311)
Thành phẩm	10.371.800.617	(6.114.589.462)	10.984.356.985	(6.273.267.271)
Hàng gửi đi bán	824.776.791	(240.330.695)	824.776.791	(240.330.695)
	<b>29.500.023.880</b>	<b>(16.216.441.911)</b>	<b>32.122.780.394</b>	<b>(16.375.119.720)</b>

(i) Trong đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thực hiện dự án tại Dubai từ năm 2009 đến nay vẫn chưa được nghiệm thu với tổng số tiền là: 2.710.155.910 VND và chi phí sản xuất dở dang kính cán ván hoa với số tiền là: 471.429.401 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm các khoản vay tại thời điểm 30/06/2025 là 39.266.087 VND, tại thời điểm 01/01/2025 là 39.266.087 VND.

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Chi phí bảo hiểm		8.000.439		24.001.317
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		49.494.090		197.976.336
		<b>57.494.529</b>		<b>221.977.653</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh (i)		17.390.990.056		17.751.794.302
		<b>17.390.990.056</b>		<b>17.751.794.302</b>

(i) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Yên Phong - tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng cho thuê lại đất giữa Công ty Kính doanh Bất động sản Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP và Công ty TNHH MTV Lắp dựng kính Viglacera (Chi tiết tại thuyết minh số 18).

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ	Giá trị hao mòn lũy kế	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ	Giá trị còn lại	Tài ngày đầu năm	Tài ngày cuối kỳ
Nhà cửa, vật kiện trực	VND	294.990.213.314	270.000.000	270.000.000	270.000.000	270.000.000	29.962.549.635	19.513.741.313	18.428.896.290
Máy móc, thiết bị	VND	2.774.751.710	-	-	-	-	378.632.150	340.768.936	340.768.936
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	VND	956.212.840	956.212.840	956.212.840	956.212.840	956.212.840	-	-	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND	404.048.121.090	270.000.000	270.000.000	270.000.000	270.000.000	49.854.923.098	47.632.862.302	47.632.862.302
Cộng	VND	105.326.943.226	295.260.213.314	2.774.751.710	956.212.840	404.318.121.090	28.863.197.076	18.428.896.290	18.428.896.290
		75.364.393.591	275.476.472.001	2.396.119.560	956.212.840	354.193.197.992	29.962.549.635	19.513.741.313	18.428.896.290
		1.099.352.559	1.354.845.023	37.863.214	-	2.492.060.796	76.463.746.150	276.831.317.024	276.831.317.024
		-	-	-	956.212.840	356.685.258.788	76.463.746.150	276.831.317.024	276.831.317.024
		-	-	-	956.212.840	356.685.258.788	76.463.746.150	276.831.317.024	276.831.317.024

Công ty đang có chủ trương di dời nhà máy và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tài sản trên đất tại các khu đất hiện có (diện tích 125.527 m<sup>2</sup>) để thực hiện đầu tư khu nhà ở gồm nhà thấp tầng, chung cư, hạ tầng kỹ thuật theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 số 01/2018/EHCD ngày 10/04/2018, công văn chấp thuận của Bộ Xây dựng số 3205/NXD-KHTC ngày 19/12/2018 và Công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh số 154/UBND-TNMT ngày 23/05/2019. Tài thời điểm 30/06/2025, Dự án " Khu dịch vụ thương mại và nhà ở Đập Cầu" đang trình đề xuất bỏ sung vào kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Bắc Ninh. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang chờ chuyển đổi mục đích sử dụng tại thời điểm 30/06/2025 lần lượt là 302.881.785.700 VND và 10.853.928.439 VND.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2025 (của Công ty TNHH MTV Lắp dựng Kính Viglacera - Công ty con) là 25.869.750.409 VND (tài ngày 01/01/2025 là 27.572.527.262 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 275.454.483.481 VND (ngày 01/01/2025 là 275.454.483.481 VND).

**Công ty Cổ phần Kinh Đập Cầu**

Địa chỉ: Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>39.368.128.581</b>	<b>39.368.128.581</b>	<b>38.600.041.246</b>	<b>38.600.041.246</b>
Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	25.425.280	25.425.280	-	-
Công ty Kinh nổi Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	5.636.303.895	5.636.303.895	5.209.908.464	5.209.908.464
Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải	1.905.678.922	1.905.678.922	1.905.678.922	1.905.678.922
Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera	638.235.561	638.235.561	638.235.561	638.235.561
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	13.923.512.193	13.923.512.193	13.526.983.272	13.526.983.272
Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	102.033.176	102.033.176	102.033.176	102.033.176
Công ty Cổ phần Tư vấn Viglacera	170.000.000	170.000.000	170.000.000	170.000.000
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	607.079.759	607.079.759	941.595.598	941.595.598
Công ty TNHH Kinh nổi siêu trắng Phú Mỹ	16.349.859.795	16.349.859.795	16.095.606.253	16.095.606.253
Trường cao đẳng Viglacera	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
<b>Bên khác</b>	<b>26.363.831.717</b>	<b>26.363.831.717</b>	<b>25.584.770.774</b>	<b>25.584.770.774</b>
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	13.812.047.586	13.812.047.586	13.812.047.586	13.812.047.586
Phải trả cho các đối tượng khác	12.551.784.131	12.551.784.131	11.772.723.188	11.772.723.188
	<b>65.731.960.298</b>	<b>65.731.960.298</b>	<b>64.184.812.020</b>	<b>64.184.812.020</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	13.812.047.586	13.812.047.586	13.812.047.586	13.812.047.586
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	13.923.512.193	13.923.512.193	13.526.983.272	13.526.983.272
Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải	1.905.678.922	1.905.678.922	1.905.678.922	1.905.678.922
Công ty TNHH BMC Hà Nội	1.374.551.130	1.374.551.130	1.374.551.130	1.374.551.130
Công nợ quá hạn khác	6.218.545.939	6.218.545.939	6.169.945.939	6.169.945.939
	<b>37.234.335.770</b>	<b>37.234.335.770</b>	<b>36.789.206.849</b>	<b>36.789.206.849</b>

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ông Nguyễn Hữu Minh	-	92.657.244
Ông Trương Bình Dương	620.189.988	263.462.929
Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Tân Thành	850.143.850	850.143.850
Bà Ngô Thị Hà	485.325.915	247.993.915
Các đối tượng khác	1.365.841.867	1.606.765.700
	<b>3.321.501.620</b>	<b>3.061.023.638</b>

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	442.983.028	-	95.651.157	36.818.182	384.150.053
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.881.579	59.363.319	4.127.366	-
Thuế tài nguyên	-	165.892.500	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.898.462.791	195.127.500	37.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.218.534.589	134.980.597	4.000.000	-
	442.983.028	9.286.771.459	485.122.573	81.945.548	384.150.053
		9.286.771.459	485.122.573	81.945.548	9.631.115.509

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Số tiền thuế và số tiền phát chậm nộp đã qua hạn của công ty tại 30/06/2024 là: 9.631.115.509 VND (tại ngày 01/01/2025 là: 9.283.679.709 VND).

**15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>		
Tạm ứng	47.078.085	8.699.363
Kính phí công đoàn	104.177.648	76.407.214
Bảo hiểm xã hội	117.701.139	244.911.331
Bảo hiểm y tế	20.705.037	43.219.666
Bảo hiểm thất nghiệp	9.935.574	20.480.730
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.338.386.851	12.107.103.834
- Lãi vay	5.790.117.408	5.472.429.389
- Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.230.647.331	1.590.774.591
- Trợ cấp thôi việc phải trả	1.307.447.236	1.394.530.599
- Tiền trả trước của khách hàng đã hủy hợp đồng mua kính	3.004.169.000	3.004.169.000
- Các khoản khác	1.006.005.876	645.200.255
	<b>12.637.984.334</b>	<b>12.500.822.138</b>
<b>b) Chi tiết theo đối tượng</b>		
Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Ninh	1.230.647.331	1.899.386.318
Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	1.680.043.990	1.435.043.992
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Bắc Ninh	2.911.270.640	2.838.582.619
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	1.198.802.778	1.198.802.778
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	3.004.169.000	3.004.169.000
Các đối tượng khác	2.613.050.595	2.124.837.431
	<b>12.637.984.334</b>	<b>12.500.822.138</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Tổng Công ty Viglacera - CTCP	1.198.802.778	1.198.802.778
- Phải trả lãi vay ngân hàng	2.911.270.640	2.838.582.619
- Phạt chậm nộp bảo hiểm tỉnh Bắc Ninh	1.230.647.331	1.590.774.591
- Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	3.004.169.000	3.004.169.000
- Phải trả, phải nộp khác	1.715.867.826	1.867.513.583
	<b>10.060.757.575</b>	<b>10.499.842.571</b>
<b>d) Trong đó: Bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Viglacera - CTCP	3.004.169.000	1.198.802.778
- Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	1.680.043.990	1.435.043.992
- Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	3.004.169.000	3.004.169.000
	<b>7.688.381.990</b>	<b>5.638.015.770</b>

16 CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) <b>Vay ngắn hạn (i)</b>						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội -	1.181.924.446		-	1.000.000.000	181.924.446	
Chi nhánh Bắc Ninh						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển	4.664.378.088		2.894.000.000	4.664.378.088	2.894.000.000	
Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà						
Nội						
Vay cả nhân	900.000.000		-	900.000.000	-	
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
	<b>6.746.302.534</b>	<b>6.746.302.534</b>	<b>9.894.000.000</b>	<b>6.564.378.088</b>	<b>10.075.924.446</b>	<b>10.075.924.446</b>
b) <b>Vay dài hạn (iii)</b>						
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công	7.000.000.000		-	-	7.000.000.000	
ngiệp Viglacera Yên Mỹ						
	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	-	-	(7.000.000.000)	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>				

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Loại	Lãi	Năm đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2025	01/01/2025
Loài tiền	suất	hạn			VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
<b>Bên khác</b>						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Thả nổi 2025	Bổ sung vốn lưu động	Thẻ chấp tài sản cố định (1)	3.075.924.446	6.746.302.534
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Bắc Ninh	VND	Thả nổi 2016	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	Thẻ chấp tài sản là hàng hóa tại kho Sô đa và kho số 3 của Công ty (1)	181.924.446	1.181.924.446
<b>Bên liên quan</b>						
Ông Trần Huy Thông	VND	6%	2025	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	-	900.000.000
				Tin chấp	-	900.000.000
					<b>3.075.924.446</b>	<b>6.746.302.534</b>
					<b>6.746.302.534</b>	<b>6.746.302.534</b>

(1) Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**Công ty Cổ phần Kinh Đáp Cầu**

Địa chỉ: Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	01/01/2025	30/06/2025
<b>Vay dài hạn</b>					VND	VND
<b>Bên liên quan</b>						
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	VND	2026	Bổ sung vốn kinh doanh	Tín chấp	7.000.000.000	7.000.000.000
					<u>7.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng					-	-
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>					<u>7.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>

**c) Số vay quá hạn chưa thanh toán**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
<b>Vay</b>	<b>181.924.446</b>	<b>2.911.270.640</b>	<b>1.181.924.446</b>	<b>2.838.582.619</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Bắc Ninh	181.924.446	2.911.270.640	1.181.924.446	2.838.582.619
	<u>181.924.446</u>	<u>2.911.270.640</u>	<u>1.181.924.446</u>	<u>2.838.582.619</u>

**17 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>43.118.293.083</b>	<b>(328.071.187.844)</b>	<b>15.047.105.239</b>
Lỗ trong kỳ trước	-	-	(8.810.574.794)	(8.810.574.794)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>43.118.293.083</b>	<b>(336.881.762.638)</b>	<b>6.236.530.445</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>43.118.293.083</b>	<b>(346.720.381.184)</b>	<b>(3.602.088.101)</b>
Lỗ trong kỳ này	-	-	(3.522.193.362)	(3.522.193.362)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>43.118.293.083</b>	<b>(350.242.574.546)</b>	<b>(7.124.281.463)</b>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025 VND	Tỷ lệ	01/01/2025 VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	259.225.000.000	86,41%	259.225.000.000	86,41%
Các cổ đông khác	40.775.000.000	13,59%	40.775.000.000	13,59%
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	6 tháng đầu năm 2025		6 tháng đầu năm 2024	
	VND		VND	VND
- Vốn góp đầu năm		300.000.000.000		300.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ		300.000.000.000		300.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuế ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 14/HĐ-TĐ ngày 25/02/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh để thuê đất tại đường Cổ Mễ, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh với mục đích xây dựng nhà làm việc, nhà xưởng sản xuất. Diện tích khu đất thuê là 132.507 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất tới hết năm 2047. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty con - Công ty TNHH MTV Lắp dựng kính Viglacera thuê tài sản là hạ tầng kỹ thuật tại khu công nghiệp Yên Phong theo hợp đồng thuê số 34/2019/BĐS-HĐKT ngày 24/04/2019 và Phụ lục 01 ngày 02/03/2021 ký với Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP. Công ty Lắp dựng kính thuê lại khu đất có tổng diện tích là 19.300 m2 thuộc lô số CN22 tại Khu công nghiệp Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh để triển khai “Dự án đầu tư xây dựng nhà máy gia công kính tiết kiệm năng lượng”. Thời gian thuê từ ngày 24/04/2019 đến hết ngày 17/10/2055. Tổng giá trị hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng là 26.338.710.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT) (thuyết minh số 10).

**b) Tài sản cho thuê ngoài**

Tổng số tiền thuế tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	2.277.078.542	2.358.081.824
Từ 1 năm đến 5 năm	3.506.220.728	3.942.272.737

**c) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2025	01/01/2025
USD	692,36	716,56

**19 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	9.405.066.396	22.172.682.948
- <i>Doanh thu bán các sản phẩm kính, gương</i>	9.405.066.396	22.172.682.948
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.872.753.907	6.084.882.768
- <i>Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa</i>	10.344.640.209	5.825.486.404
- <i>Dịch vụ cho thuê tài sản, nhà xưởng, tiền điện, nước</i>	2.528.113.698	259.396.364
	<b>22.277.820.303</b>	<b>28.257.565.716</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

**20 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	52.216.895	373.975.928
	<b>52.216.895</b>	<b>373.975.928</b>

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	9.333.468.724	21.243.614.733
- Giá vốn bán các sản phẩm kính gương	9.333.468.724	21.243.614.733
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.211.364.049	5.704.199.311
- Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa	9.264.362.753	5.571.716.358
- Dịch vụ cho thuê tài sản, nhà xưởng, tiền điện, nước	947.001.296	132.482.953
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(158.677.809)	(702.847.684)
	<b>19.386.154.964</b>	<b>26.244.966.360</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	1.880.126.831	8.503.855.688
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)		

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.469.113	72.505.244
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	154.919	-
	<b>25.624.032</b>	<b>72.505.244</b>

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	449.753.560	662.616.262
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	396.297.330	556.940.391
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	-	187.220.522
	<b>846.050.890</b>	<b>1.406.777.175</b>
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan	247.071.231	297.511.998
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)		

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.811.444	74.319.460
Chi phí nhân công	1.106.883.488	950.624.716
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	3.107.590	9.034.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.868.944	53.381.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.228.077	313.085.770
Chi phí khác bằng tiền	146.571.556	457.429.900
	<b>1.584.471.099</b>	<b>1.857.875.316</b>

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.490	29.598.009
Chi phí nhân công	1.190.773.088	1.587.461.038
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	3.222.917	1.270.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	150.536.772	161.049.141
Thuế, phí và lệ phí	200.163.116	203.127.500
Chi phí dự phòng	171.654.603	1.486.258.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	758.251.444	966.853.942
Chi phí khác bằng tiền	562.210.933	360.036.212
	<b>3.036.850.363</b>	<b>4.795.654.916</b>

26 CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi chậm trả bảo hiểm, chậm nộp thuế và tiền phạt	133.496.257	56.238.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định ngừng hoạt động	746.410.308	2.369.996.502
Các khoản khác	39.986.921	35.161.000
	<b>919.893.486</b>	<b>2.461.396.059</b>

27 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(3.522.193.362)	(8.810.574.794)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(3.522.193.362)	(8.810.574.794)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(117)	(294)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.763.149.307	15.821.383.206
Chi phí nhân công	4.069.559.015	5.081.302.850
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	143.041.971	270.184.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.745.650.488	2.430.083.060
Thuế, phí và lệ phí	200.163.116	203.127.500
Chi phí dự phòng	171.654.603	1.486.258.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.907.883.624	2.586.509.315
Chi phí khác bằng tiền	1.449.026.765	1.027.498.927
	21.450.128.889	28.906.347.661

29 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.894.000.000	6.299.000.000

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.564.378.088	6.140.809.079

30 NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ
Công ty CP Tư vấn Viglacera	Cùng Tổng Công ty
Công ty CP Thương mại Viglacera	Cùng Tổng Công ty
Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Cùng Tổng Công ty
Công ty CP Viglacera Vân Hải	Cùng Tổng Công ty
Công ty Thi công cơ giới Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Kinh nổi siêu trắng Phú Mỹ	Cùng Tổng Công ty
Công ty Kinh Doanh Bất Động sản Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Cùng Tổng Công ty
Công ty CP Viglacera Hạ Long	Cùng Tổng Công ty
Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Cùng Tổng Công ty
Công ty Kinh nổi Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Cùng Tổng Công ty
Công ty CP Khoáng sản Viglacera	Cùng Tổng Công ty
Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Cùng Tổng Công ty
Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	Cùng Tổng Công ty
Công Ty Sen Vòi Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Cùng Tổng Công ty
Trường Cao đẳng Viglacera	Cùng Tổng Công ty
Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>131.880.249</b>	<b>1.135.167.027</b>
Công ty CP Viglacera Vân Hải	-	540.021.948
Công ty CP Thương mại Viglacera	14.000.000	-
Công ty Sen vòi Viglacera - Chi nhánh TCT Viglacera	67.315.000	-
Công ty Kinh Doanh Bất Động sản Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	-	27.276.480

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	50.565.249	567.868.599
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>1.880.126.831</b>	<b>8.503.855.688</b>
Công Ty Kinh Doanh Bất Động sản Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	109.749.450	109.749.450
Công ty Kính nổi Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	977.709.235	2.834.157.008
Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	768.753.280	5.531.554.997
Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP	23.914.866	28.394.233
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>247.071.231</b>	<b>297.511.998</b>
Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ	244.999.998	297.511.998
Ông Trần Huy Thông	2.071.233	-

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Ông Hoàng Kim Bồng		-
Ông Trần Huy Thông	309.607.000	-
Ông Nguyễn Thế Chinh		-
Ông Nguyễn Anh Tuấn		-
Ông Nguyễn Thành		-
Chung (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)		-
Ông Nguyễn Hữu Luật (miễn nhiệm ngày 24/04/2025)		-
Ông Nguyễn Bảo Linh		-
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân		-
Bà Nguyễn Việt Hà		-
Ông Phạm Văn Chương		-
Bà Hoàng Thị Hằng	181.479.000	119.634.000

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ tiếp tục lỗ do đó Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.



**Hoàng Thị Hằng**  
Người lập biểu



**Hoàng Thị Hằng**  
Phụ trách kế toán





**Trần Huy Thống**  
Tổng Giám đốc  
Bắc Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2025

